

Số: 140 /2025/QĐST - DS

A, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 532/2024/TLST – DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm: 1988, cư trú: Số nhà 579, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1985; cư trú: Tổ 8, ấp P, xã P, huyện A, An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1969, cư trú: ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1971, cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

3. Ông Trần Văn C, sinh năm: 1973, cư trú: Ấp L xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

4. Ông Trần Văn C, sinh năm: 1975, cư trú: ấp Đ xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.

5. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1977, cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

6. Bà Trần Thị Nâu, sinh năm: 1979, cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

7. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1983, cư trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn V, ông Trần Văn D, bà Trần Thị Thanh, bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn C, ông Trần Văn C, bà Trần Thị N, bà Trần Thị N, bà Trần Thị T thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn H, bà Trần Thị C gồm các ông bà: Trần Thị T, Trần Thị Đ, Trần Văn C, Trần Văn C, Trần Thị N, Trần Thị N, Trần Thị T, Trần Văn D, Trần Văn V.

- Ông Trần Văn V được hưởng kỷ phần thừa kế đối với phần đất do cha mẹ để lại cụ thể: Phần đất tại các điểm 128, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 75, 119, 31, 80 diện tích 4.000m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03524 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

- Bà Trần Thị N được hưởng kỷ phần thừa kế đối với phần đất do cha mẹ để lại cụ thể:

+ Phần đất tại các điểm 132, 43, 44, 83, 126, 127, 89, 90, 91, 26, 92, 87, 28, 131 diện tích 4.500m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03524 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H và giấy chứng nhận QSDĐ số CH03525 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm A, B, C D có diện tích 341,6 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số 02785.QSDĐ/bL do UBND huyện A cấp ngày 28/11/2002 mang tên hộ Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

- Bà Trần Thị N được hưởng kỷ phần thừa kế đối với phần đất do cha mẹ để lại cụ thể:

+ Phần đất tại các điểm 134, 133, 93, 25, 124, 176, 13, 12 diện tích 2.000m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03525 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm B, 76, 77, C có diện tích 519,5 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số 02785.QSDĐ/bL do UBND huyện A cấp ngày 28/11/2002 mang tên hộ Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

- Bà Trần Thị Tm được hưởng kỷ phần thừa kế đối với phần đất do cha mẹ để lại cụ thể:

+ Phần đất tại các điểm 14, 16, 17, 19, 18, 15 thửa 166 có diện tích 566 m² và các điểm 17, 125, 46, 47, 48, 49 thửa 167 diện tích 699 m² nằm trong giấy

chứng nhận QSDĐ số CH03525 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm 97, E, F, 23 có diện tích 444,1 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số 02785.QSDĐ/bL do UBND huyện A cấp ngày 28/11/2002 mang tên hộ Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

- Ông Trần Văn C được hưởng kỷ phần thừa kế đối với phần đất do cha mẹ để lại cụ thể: Phần đất tại các điểm 129, 130, 131, 28, 133, 134, 10, 8 diện tích 3.500m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03525 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

- Ông Trần Văn C được hưởng kỷ phần thừa kế đối với phần đất do cha mẹ để lại cụ thể: Phần đất tại các điểm 100, A, D, 78, 79 có diện tích 341,8 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số 02785.QSDĐ/bL do UBND huyện A cấp ngày 28/11/2002 mang tên hộ Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

- Ông Trần Văn D được hưởng kỷ phần thừa kế đối với phần đất do cha mẹ để lại cụ thể:

+ Phần đất tại các điểm 94, 95, 97, 98, 33, 128, 32, 108, 106, 107 thửa 70 diện tích 2669m² và các điểm 106, 108, 32, 99, 100, 109, 103, 104, 105 thửa 71 diện tích 2154 m² và các điểm 103, 109, 110, 99, 100, 101, 102 thửa 72 diện tích 843 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03523 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm 102, 101, 116, 115, 120 thửa 104 diện tích 1.163 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03524 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm 120, 115, 30, 6, 123, 122, 121, 120 thửa 162 diện tích 1.695 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03525 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm 31, 119, 75, 40, 111, 116, 96, 114, 117, 118 thửa 106 diện tích 2.028 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03524 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm 32, 128, 80, 31, 118, 117, 114, 30, 115, 116, 101, 100, 99 thửa 106 diện tích 695,4 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03524 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm 112, 132, 131, 130, 30, 114, 96, 116, 111 diện tích 1.551 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03524 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm 6, 30, 130, 129 diện tích 372 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số CH03525 do UBND huyện A cấp ngày 31/12/2013 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm 86, 87, 88. 89. 90, 46, 91, 92, 93, 94, 95 thửa 49 diện tích 1350,1 m² nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số 02785.QSDĐ/bL do UBND huyện A cấp ngày 28/11/2002 mang tên Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

+ Phần đất tại các điểm E, 80, 81, 82, 83, 85, 86, 95, F có diện tích 2.192, 7 m² là phần còn lại của thửa 48, tờ bản đồ số 24 nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số 02785.QSDĐ/bL do UBND huyện A cấp ngày 28/11/2002 mang tên hộ Trần Văn H theo bản vẽ hiện trạng ngày 20/6/2025 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất An Giang.

Các ông bà Trần Văn V, ông Trần Văn D, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Đ, ông Trần Văn C, ông Trần Văn C, bà Trần Thị N, bà Trần Thị N, bà Trần Thị T thống nhất giá đất 40.000.000 đồng/1.000m².

Khi án có hiệu lực ông Trần Văn V, ông Trần Văn D, ông Trần Văn C, ông Trần Văn C, bà Trần Thị N, bà Trần Thị N, bà Trần Thị T có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chi phí tố tụng: các đương sự đã thỏa thuận không, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí:

- Ông Trần Văn V phải chịu 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010082 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh An Giang. Ông V được nhận lại 2.250.000 đồng.

- Bà Trần Thị N phải chịu 4.841.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị N phải chịu 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị T phải chịu 1.700.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn C phải chịu 3.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn C phải chịu 340.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn D phải chịu 15.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh An Giang (1);*
- *VKS tỉnh An Giang (1);*
- *VKS huyện A (2);*
- *Các đương sự (2);*
- *THADS huyện A (1);*
- *HSVA (1);*
- *Lưu VP (1).*

THẨM PHÁN

Mai Việt Quốc